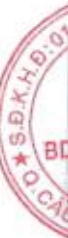


**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG**

Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ tài chính
bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010



MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT	5
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

1203
CHỈ M
CÔN
TN
O V
TẠI
GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 6 ngày 22 tháng 09 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty là 80.141.610.000 VND được chia thành 8.014.161 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 3.632.456 cổ phần. Cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) - Đại diện là Bà Trần Kim Liên	921.180
2	Ông Trần Đình Long	16.680
3	Ông Phạm Ngọc Lý	35.806
4	Ông Đỗ Tiến Sỹ	45.924
5	Ông Đỗ Bá Vọng	35.806
6	Cổ đông còn lại khác	2.577.060

Tháng 10 năm 2006, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp "Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng" tại Quyết định số 63/UBCK-ĐKPT ngày 25 tháng 10 năm 2006, "Giấy phép niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần giống cây trồng Trung ương" tại Quyết định số 92/UBCK-ĐKPH ngày 01 tháng 12 năm 2006 và được Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh cấp "Chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán" số 56/2006/GCNCP-CNTTLH ngày 11 tháng 12 năm 2006.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:

- Bà Trần Kim Liên
- Ông Phạm Ngọc Lý
- Ông Trần Đình Long
- Ông Lê Văn Mạo
- Ông Đỗ Bá Vọng
- Ông Đỗ Tiến Sỹ
- Bà Nguyễn Thị Bình

Chức vụ:

- Chủ tịch
- Phó Chủ tịch
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên:

- Bà Trần Kim Liên
- Ông Đỗ Bá Vọng
- Ông Lê Văn Mạo
- Ông Phạm Ngọc Lý

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội và có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên:

- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thái Bình
- Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên (*)
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Định Tường
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Đồng Văn
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vi
- Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay

Địa chỉ:

- Phường Đội Cung, TP Vinh
- Đông Hợp, Đông Hưng, Thái Bình
- Hòa Phước, Hòa Vang, TP Đà Nẵng
- Định Tường, Yên Định, Thanh Hoá
- Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam
- Đông Quang, Ba Vi, Hà Nội
- Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào

(*) Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-CTG ngày 01/04/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương.

4. Hoạt động chính

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010, hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; kinh doanh bất động sản. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH BDO Việt Nam tại Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày

Số: 08 /2011/BCKT-BDOHN

Hà Nội, Ngày 10 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 6 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam,
Chi nhánh Hà Nội**Nguyễn Như Tiến**
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV**Nguyễn Hoàng Hà**
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01, Lương Đình Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.390.828.763	202.159.192.359
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	34.185.807.589	72.740.817.141
Tiền	111		19.185.807.589	52.740.817.141
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.605.912.856	4.570.312.160
Đầu tư ngắn hạn	121		1.605.912.856	4.570.312.160
Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.787.316.978	71.647.220.121
Phải thu khách hàng	131		55.570.768.909	63.957.114.355
Trả trước cho người bán	132		2.953.343.451	6.076.999.734
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	585.299.818	1.935.201.232
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(322.095.200)	(322.095.200)
Hàng tồn kho	140		65.322.684.808	52.914.904.490
Hàng tồn kho	141	5.5	65.983.590.592	53.999.011.551
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(660.905.784)	(1.084.107.061)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.489.106.532	285.938.447
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	1.138.284.881	-
Thuê GTGT được khấu trừ	152		84.716.183	-
Thuê và các khoản phải thu Nhà Nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		266.105.468	285.938.447
Chi sự nghiệp	160		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		81.426.294.924	44.783.176.132
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		49.169.531.433	39.701.172.599
TSCĐ hữu hình	221	5.6	40.882.013.254	37.260.968.043
- Nguyên giá	222		52.274.371.051	46.627.420.191
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	223		(11.392.357.797)	(9.366.452.148)
TSCĐ vô hình	227	5.7	3.182.712.556	944.025.556
- Nguyên giá	228		3.966.787.000	1.571.000.000
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	229		(784.074.444)	(626.974.444)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.8	5.104.805.623	1.496.179.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.586.638.000	4.387.638.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	29.546.638.000	1.817.638.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	3.944.000.000	3.944.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		(1.904.000.000)	(1.374.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		670.125.491	694.365.533
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	670.125.491	694.365.533
CỘNG	270		242.817.123.687	246.942.368.491

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01, Lương Đình Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		59.879.929.529	77.481.178.007
Nợ ngắn hạn	310		59.251.632.529	76.842.881.007
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		19.117.358.532	36.944.704.389
Người mua trả tiền trước	313		1.809.013.459	9.138.295.700
Thuê và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	11.119.127.823	7.173.732.811
Phải trả người lao động	315		16.405.102.073	16.738.693.237
Chi phí phải trả	316	5.12	211.033.400	324.678.600
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiên độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	3.710.952.868	3.339.340.377
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.879.044.374	3.183.435.893
Nợ dài hạn	330		628.297.000	638.297.000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	628.297.000	628.297.000
Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	10.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.937.194.158	169.461.190.484
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	182.937.194.158	169.461.190.484
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.141.610.000	80.141.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		54.774.342.850	54.774.342.850
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		111.579.222	3.529.046
Quỹ đầu tư phát triển	417		17.636.370.157	3.632.798.807
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.837.898.950	2.170.332.066
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		26.435.392.979	28.738.577.715
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG	440		242.817.123.687	246.942.368.491

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01, Lương Đình Cù, Quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VND)		1.431.386.527	1.431.386.527
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		53.153.000	53.153.000
Ngoại tệ các loại			
Đồng Đô la Mỹ (USD)		145.631,44	900.200,63
Đồng Nhân dân tệ (CNY)		14.179,49	2.072.747,01

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN KIM LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01, Lương Đình Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính bắt đầu vào 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	193.414.781.962	149.674.133.828
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	8.764.759.942	13.348.279.437
Doanh thu thuần từ hàng hoá và dịch vụ	10	6.3	184.650.022.020	136.325.854.391
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	120.985.271.186	88.089.934.123
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		63.664.750.834	48.235.920.268
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	1.473.244.561	2.286.008.960
Chi phí tài chính	22	6.6	1.063.669.596	511.801.621
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.058.254	17.152.498
Chi phí bán hàng	24		21.585.036.154	18.743.430.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.429.991.857	6.844.777.202
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.059.297.788	24.421.920.055
Thu nhập khác	31		604.992.850	729.928.958
Chi phí khác	32		13.100.000	12.700.000
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		591.892.850	717.228.958
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.651.190.638	25.139.149.013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.415.797.659	4.466.954.433
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		25.235.392.979	20.672.194.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.310	3.518

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN KIM LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01, Lương Đình Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính bắt đầu vào 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	174.217.043.921	158.332.410.322
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(159.818.879.279)	(119.287.446.613)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.210.783.294)	(11.928.946.836)
Tiền chi trả lãi vay	04	(17.058.254)	(17.152.498)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.469.176.933)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.265.492.765	42.461.822.288
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.136.405.256)	(54.166.171.269)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.169.766.330)	15.394.515.394
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.688.274.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	866.972.160	3.263.233.567
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(27.729.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	468.446.538	1.471.426.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.393.581.302)	3.046.386.161
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.014.161.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.014.161.000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(38.577.508.632)	18.440.901.555
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	72.740.817.141	71.223.144.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22.499.080	(142.550.660)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.185.807.589	89.521.495.472

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2004 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Các Chi nhánh:
 - + Chi nhánh Miền Trung
 - + Chi nhánh Thái Bình
 - + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
- Các Xí nghiệp:
 - + Xí nghiệp Định Tường
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
 - + Xí nghiệp Ba Vì
- Đơn vị trực thuộc khác:
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 260 người, trong đó số nhân viên quản lý là 25 người.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản công nợ ngắn hạn (nhỏ hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán. Đầu kỳ sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.
- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản công nợ dài hạn (lớn hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

4.4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:**Thời gian (năm)*****Tài sản cố định hữu hình***

Máy móc thiết bị	5
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25

Tài sản cố định vô hình

Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5
Tài sản cố định vô hình khác	5

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong kỳ kế toán.

4.6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

4.8. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010 nhưng chưa thực chi cho tới thời điểm kết thúc kỳ tài chính như chi phí công tác phí, chi phí tiền điện thoại, điện nước, quảng cáo và chi phí thuê văn phòng. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 09 năm 2009, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	80.141.610.000	80.141.610.000	100%

4.10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4.11. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.12. Thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.**4.13. Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 4.646.735.511	2.998.637.808
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 14.539.072.078	49.742.179.333
Các khoản tương đương tiền	(iii) 15.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	<u>34.185.807.589</u>	<u>72.740.817.141</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2010 bao gồm:	Nguyên tệ	<u>VND</u>
Đồng ngoại tệ		230.767.280
Đồng Đô la Mỹ (USD)	10.630 #	197.122.720
+ Văn phòng Công ty	10.630 #	197.122.720
Đồng Nhân dân tệ (CNY)	12.389 #	33.644.560
+ Văn phòng Công ty	12.389 #	33.644.560
Đồng Việt Nam		4.415.968.231
+ Văn phòng Công ty		2.499.857.295
+ Xí nghiệp Ba Vì		930.301.222
+ Xí nghiệp Định Tường		66.137.212
+ Xí nghiệp Đồng Văn		299.273.596
+ Trại thực nghiệm Khoái Châu		25.631.049
+ Chi nhánh Miền Trung		158.305.804
+ Nhà máy chế biến Thường Tín		189.026.147
+ Chi nhánh Thái Bình		247.435.906
Cộng		<u>4.646.735.511</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2010 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		2.508.329.102
Đô la Mỹ (USD)	135.001,44	2.503.466.704
+ Ngân hàng cổ phần Ngoại thương	216,83 #	4.020.896
+ Ngân hàng No&PTNT Lào Cai	134.784,61 #	2.499.445.808
Nhân dân tệ (CNY)	1.790,49	4.862.398
+ Ngân hàng No&PTNT Lào Cai	595,77 #	1.617.921
+ Ngân hàng No&PTNT Lạng Sơn	1.194,72 #	3.244.477
Đồng Việt Nam		12.030.742.976
+ Ngân hàng No&PTNT Thăng Long		5.996.180.015
+ Ngân hàng No&PTNT Lạng Sơn		2.983.631
+ Ngân hàng No&PTNT Lào Cai		730.269
+ Ngân hàng Công thương Đống Đa		1.920.525.585
+ Ngân hàng No&PTNT Duy Tiên		66.878.078
+ Ngân hàng No&PTNT Yên Định		2.155.898.963
+ Ngân hàng No&PTNT Ba Vì		985.064.827
+ Ngân hàng No&PTNT Khoái Châu		17.060.077
+ Ngân hàng Công Thương CN Mỹ Hòa		1.062.421
+ Ngân hàng No&PTNT Đông Hưng		748.663.340
+ Ngân hàng No&PTNT Vinh - Nghệ An		135.695.770
Cộng		14.539.072.078

(iii) Các khoản tương đương tiền

	Nguyên tệ	VND
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng		15.000.000.000
+ Ngân hàng No&PTNT Thăng Long		15.000.000.000
Cộng		15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng	-	866.972.160
+ Ngân hàng Công thương Đống Đa	-	866.972.160
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác	1.605.912.856	3.703.340.000
+ Công ty CP Giống NLN Quảng Nam	1.009.846.856	2.500.000.000
+ Ông Trần Quý Cáp	596.066.000	1.203.340.000
Cộng	<u>1.605.912.856</u>	<u>4.570.312.160</u>

5.3. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.138.284.881	-
+ Văn phòng Công ty	1.127.284.881	-
+ Xí nghiệp Đồng Văn	11.000.000	-
Cộng	<u>1.138.284.881</u>	<u>-</u>

5.4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu khác	585.299.818	1.935.201.232
+ Văn phòng Công ty	1.370.500	1.519.266.965
+ Xí nghiệp Ba Vì	385.991.651	222.946.087
+ Xí nghiệp Định Tường	14.907.875	86.179.460
+ Xí nghiệp Đồng Văn	70.936.060	44.697.043
+ Trại thực nghiệm Khoái Châu	7.206.175	27.676.820
+ Chi nhánh Miền Trung	72.293.970	20.948.654
+ Nhà máy chế biến Thường Tín	6.188.270	10.161.156
+ Chi nhánh Thái Bình	26.405.317	3.325.047
Cộng	<u>585.299.818</u>	<u>1.935.201.232</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.5. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	5.990.392.079	4.941.998.107
Công cụ, dụng cụ	23.391.000	20.780.940
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.866.055.199	779.263.139
Thành phẩm	54.883.737.143	23.426.131.757
Hàng hoá	<u>3.220.015.171</u>	<u>24.830.837.608</u>
Cộng	<u>65.983.590.592</u>	<u>53.999.011.551</u>

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Trong 6 tháng đầu năm:

	<u>VND</u>
Thành phẩm	<u>423.201.277</u>
Cộng	<u>423.201.277</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị Văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	27.699.070.243	12.240.027.545	6.283.981.303	404.341.100	46.627.420.191
- Mua trong năm	-	2.800.770.699	952.537.000	20.990.000	3.774.297.699
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.872.653.161	-	-	-	1.872.653.161
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.571.723.404	15.040.798.244	7.236.518.303	425.331.100	52.274.371.051
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	5.141.862.019	2.537.414.010	1.454.013.731	233.162.388	9.366.452.148
- Khấu hao trong năm	800.393.160	832.409.573	370.498.819	22.604.097	2.025.905.649
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.942.255.179	3.369.823.583	1.824.512.550	255.766.485	11.392.357.797
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	22.557.208.224	9.702.613.535	4.829.967.572	171.178.712	37.260.968.043
Tại ngày cuối năm	23.629.468.225	11.670.974.661	5.412.005.753	169.564.615	40.882.013.254

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	-	1.500.000.000	71.000.000	1.571.000.000
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.395.787.000	-	-	2.395.787.000
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.395.787.000	1.500.000.000	71.000.000	3.966.787.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	-	596.050.000	30.924.444	626.974.444
- Khấu hao trong năm	-	150.000.000	7.100.000	157.100.000
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	746.050.000	38.024.444	784.074.444
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	903.950.000	40.075.556	944.025.556
Tại ngày cuối năm	2.395.787.000	753.950.000	32.975.556	3.182.712.556



CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	5.104.805.623	1.496.179.000
Trong đó, các công trình lớn:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	750.901.457	400.000.000
<i>Vườn thực nghiệm Ba Vì</i>	-	492.500.000
<i>Dự án xây dựng ở Đồng Văn</i>	2.905.134.999	486.905.000
<i>Xây dựng quy hoạch khu trại giống Ba Vì</i>	946.702.000	-
<i>Cài tạo 02 dãy nhà kho CN Thái Bình</i>	502.067.167	-

5.9. Đầu tư dài hạn khác

	<u>30/06/2010</u>		<u>01/01/2010</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	124.249	29.546.638.000	96.520	1.817.638.000
<i>Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam</i>	96.520	1.817.638.000	96.520	1.817.638.000
<i>Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây</i>	27.729	27.729.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác	100.000	3.944.000.000	100.000	3.944.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Rau quả</i>	100.000	3.944.000.000	100.000	3.944.000.000
Cộng		33.490.638.000		5.761.638.000

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	670.125.491	694.365.533
+ Văn phòng Công ty	610.022.050	661.025.750
+ Xí nghiệp Ba Vì	39.814.667	-
+ Trại thực nghiệm Khoái Châu	20.288.774	33.339.783
Cộng	670.125.491	694.365.533

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Thuế giá trị gia tăng	900	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.023.840.847	7.077.220.121
Thuế thu nhập cá nhân	95.286.076	96.512.690
Cộng	<u>11.119.127.823</u>	<u>7.173.732.811</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Chi phí đồng phục 2009	-	129.560.000
Chi phí khoán công tác phí	70.000.000	83.407.700
Chi phí dịch vụ cấp giấy CNQSDĐ	-	29.464.000
Chi phí tiền điện thoại, điện, nước	26.300.000	24.120.200
Chi phí quảng cáo, văn phòng	23.000.000	-
Thuê VP Đà Nẵng	30.000.000	-
Khác	61.733.400	58.126.700
Cộng	<u>211.033.400</u>	<u>324.678.600</u>

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Văn phòng Công ty	2.974.407.150	2.818.065.875
+ Phải trả về cổ phần hoá	878.500.000	878.500.000
+ Phải trả khác	2.095.907.150	1.939.565.875
Xí nghiệp Ba Vì	85.294.010	101.135.637
Xí nghiệp Định Tường	522.590.761	317.295.234
Xí nghiệp Đồng Văn	79.038.321	84.742.258
Trại thực nghiệm Khoái Châu	4.063.550	560.000
Chi nhánh Miền Trung	37.961.882	8.654.015
Chi nhánh Thái Bình	7.597.194	8.887.358
Cộng	<u>3.710.952.868 (i)</u>	<u>3.339.340.377</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

(i) Số dư đầu năm của các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác được điều chỉnh như sau:

Số dư phải trả phải nộp ngắn hạn khác đầu năm mang sang	3.349.340.377
Bút toán trình bày lại số dư đầu năm	
<i>Giảm phải trả phải nộp ngắn hạn khác</i>	<i>(10.000.000)</i>
Số dư sau điều chỉnh	3.339.340.377

5.14. Vay dài hạn

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Vay dài hạn	628.297.000	628.297.000
<i>Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>	<i>(i) 628.297.000</i>	<i>628.297.000</i>
Cộng	<u>628.297.000</u>	<u>628.297.000</u>

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I bao gồm 01(một) hợp đồng có hạn mức tín dụng là 3.100.000.000 VND với lãi suất 5,4%/năm và có thời hạn 8 năm, số dư nợ vay tại ngày 30/06/2010 là 628.297.000 VND. Hình thức bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

5.15 Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<i>Vốn đầu tư của chủ SH</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	57.659.500.000	54.774.342.850	-	10.947.656.007	1.151.388.144	19.586.241.164	144.119.128.165
Tăng vốn trong năm trước	22.482.110.000	-	-	-	-	-	22.482.110.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	33.351.337.715	33.351.337.715
Tăng khác	-	-	3.529.046	11.136.182.800	1.018.943.922	-	12.158.655.768
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	18.451.040.000	-	24.199.001.164	42.650.041.164
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ	80.141.610.000	54.774.342.850	3.529.046	3.632.798.807	2.170.332.066	28.738.577.715	169.461.190.484
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	25.235.392.979	25.235.392.979
Tăng khác	-	-	111.579.222	14.003.571.350	1.667.566.884	-	15.782.717.456
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	3.529.046	-	-	27.538.577.715	27.542.106.761
Số dư cuối kỳ	80.141.610.000	54.774.342.850	111.579.222	17.636.370.157	3.837.898.950	26.435.392.979	182.937.194.158

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Vốn góp của Nhà nước	9.211.800.000	9.211.800.000
Vốn góp của đối tượng khác	70.929.810.000	70.929.810.000
Cộng	<u>80.141.610.000</u>	<u>80.141.610.000</u>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u> (VND)	<u>2009</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.141.610.000	80.141.610.000
Vốn góp đầu kỳ	80.141.610.000	57.659.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	22.482.110.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.141.610.000	80.141.610.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(8.648.925.000)

Cổ tức

	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/06/2010</u>	<u>2009</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	20 %	18%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (i)	20 %	18%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

- (i) Dự kiến chi trả cổ tức trong năm 2010 đã được ĐHCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2010 số 10/NQ-ĐHCĐ2010 ngày 21/03/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

Cổ phiếu

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.014.161	8.014.161
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.014.161	8.014.161
Cổ phiếu phổ thông	8.014.161	8.014.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.014.161	8.014.161
Cổ phiếu phổ thông	8.014.161	8.014.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/06/2010</u> (VND)	<u>01/01/2010</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	17.636.370.157	3.632.798.807
Quỹ dự phòng tài chính	3.837.898.950	2.170.332.066

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>193.414.781.962</u>	<u>149.674.133.828</u>
Doanh thu bán hàng	193.414.781.962	149.674.133.828
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>8.764.759.942</u>	<u>13.348.279.437</u>
Giảm giá hàng bán	757.967.292	2.298.773.640
Hàng bán bị trả lại	8.006.792.650	11.049.505.797

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>184.650.022.020</u>	<u>136.325.854.391</u>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	184.650.022.020	136.325.854.391
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	121.408.472.463	88.089.934.123
Hoàn nhập DP giảm giá hàng tồn kho	(423.201.277)	-
Cộng	<u>120.985.271.186</u>	<u>88.089.934.123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.136.538.111	2.286.008.960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	336.706.450	-
Cộng	<u>1.473.244.561</u>	<u>2.286.008.960</u>

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)</u>
Lãi tiền vay	17.058.254	17.152.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	386.304.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	434.310.092	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	530.000.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	82.301.250	108.344.236
Cộng	<u>1.063.669.596</u>	<u>511.801.621</u>

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.415.797.659	4.466.954.433
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
Cộng	<u>8.415.797.659</u>	<u>4.466.954.433</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc vào ngày 30/06/2010

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH BDO Việt Nam tại Hà Nội và đã được trình bày lại cho phù hợp với các hướng dẫn tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2009 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) - Chi nhánh Hà Nội (Nay là Chi nhánh Công ty TNHH BDO Việt Nam tại Hà Nội).

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN KIM LIÊN

